

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 117/1999/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ tài chính

đối với hoạt động thu thuế sử dụng đất nông nghiệp

Căn cứ Nghị định số 74-CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Tiếp theo Thông tư số 89 TC/TCT ngày 09/11/1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 74-CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ; Thông tư số 26 TC/TCT ngày 27/03/1995 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế phường xã;

Nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính đối với nguồn kinh phí phục vụ công tác thu thuế sử dụng đất nông nghiệp theo đúng quy định của Luật NSNN và để đảm bảo việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với hoạt động thu thuế sử dụng đất nông nghiệp như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Kinh phí đối với hoạt động thu thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) của hệ thống Thuế do ngân sách trung ương đảm bảo và được thông báo trong dự toán NSNN hàng năm của Tổng cục Thuế. Bộ Tài chính cấp phát kinh phí hoạt động thu thuế SDĐNN theo kế hoạch từng tháng, quý cho Tổng cục Thuế như các khoản kinh phí khác.
- Căn cứ vào nhiệm vụ thu thuế SDĐNN quy định tại Thông tư số 89 TC/TCT ngày 09/11/1993 của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế có trách nhiệm chỉ đạo Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào số thôn, ấp, số thuế thu của từng phường, xã và số cán bộ thuế trong biên chế thuộc các đội thuế để tính toán số

lượng cần thiết các hợp đồng uỷ nhiệm thu thuế SDĐNN và trực tiếp ký hợp đồng hoặc uỷ quyền cho Chi cục Thuế ký hợp đồng dưới hình thức hợp đồng ngắn hạn. Hàng năm, Tổng cục Thuế có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính số lượng hợp đồng ngắn hạn và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thực hiện các hợp đồng lao động.

- Việc quản lý kinh phí đối với hoạt động thu thuế sử dụng đất nông nghiệp của Tổng cục Thuế và các đơn vị trực thuộc phải chấp hành các quy định về quản lý tài chính hiện hành, pháp lệnh kế toán thống kê, chế độ kế toán thống kê, chế độ kế toán đơn vị HCSN và các quy định tại Thông tư này.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nội dung chi:

a/. Chi tiền công cho cán bộ hợp đồng thu thuế và chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng tư vấn (HĐTV) thuế các cấp, cụ thể như sau:

- Chi tiền công cho cán bộ hợp đồng thu thuế:

+ Chi cho cán bộ hợp đồng tại xã, phường: để thực hiện các nhiệm vụ gửi thông báo thu thuế, lập sổ thuế, tính miễn giảm thuế SDĐNN, chấm bộ thuế, tham gia quyết toán thuế SDĐNN ở các thôn, bản, xã phường dưới sự chỉ đạo nghiệp vụ của đội thuế xã, phường, Chi cục Thuế. Bình quân mỗi xã, phường có thu thuế SDĐNN được tính tối đa là 2 người; Thời gian thực hiện là 6 tháng/năm; Mức chi tiền công tối đa là: 200.000 đ/người/tháng.

+ Chi cho cán bộ hợp đồng tại thôn, xóm, ấp, bản: để thực hiện các nhiệm vụ đưa thông báo thu thuế, đơn đốc thu thuế theo mùa vụ và trực tiếp thu thuế đến từng đối tượng nộp thuế, tham gia chấm bộ thuế. Mỗi xã, phường có thu thuế SDĐNN được tính cán bộ hợp đồng tại thôn, xóm, ấp, bản bình quân 7 người/xã, phường; Thời gian thực hiện là 2 tháng/năm; Mức chi tiền công tối đa là: 150.000 đ/người/tháng.

- Chi phụ cấp cho thành viên HĐTV thuế các cấp: Chức năng, nhiệm vụ của HĐTV thuế các cấp thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 26 TC/TCT ngày 27/3/1995 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của HĐTV thuế phường xã. Cụ thể mức chi được quy định như sau: